

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/DS-PT  
Ngày: 18-01-2018  
V/v tranh chấp hợp đồng  
Mua bán nhà và vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

*Các Thẩm phán:* 1/ Ông **Lưu Ngọc Thạch**  
2/ Bà **Phạm Thị Thảo**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Diễm** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15; 29 tháng 12 năm 2017 và ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 463/2017/TLPT - DS ngày 09/10/2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà và vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 574/2017/DS-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2325/2017/QĐ - PT, ngày 18/10/2017, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: 941 Đường L, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V có ông **Dương Ngọc Thái X**, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: 677 Đường L, phường P, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 013978 ngày 21/12/2013 và Hợp đồng ủy quyền số 012717 ngày 24/11/2014 tại văn phòng công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh).

**2. Bị đơn:**

**2.1 Ông Lưu Hoàng H**, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ: 314/4A1 đường B, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H có bà **Hoàng Thị A**, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: 166/84B đường K, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 014184 ngày 22/11/2017 tại Văn phòng công chứng G).

2.2 Bà **Hoàng Thị A**, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: 7/2 đường C, xã L, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Huỳnh Khắc T** – Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Vũ Thị Kim L**, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: 615 đường L, phường P, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L có ông **Dương Ngọc Thái B**, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: 677 đường L, phường P, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 001575 ngày 15/01/2018 tại Văn phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh)

4. *Người kháng cáo:* Bà **Hoàng Thị A**, sinh năm 1958 – Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các bản tự, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Ngày 18/7/2011, ông V có cho ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày 18/7/2011 để tất toán với Ngân hàng, giải chấp căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2851, tờ bản đồ số 4, xã L, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do ông H, bà A không có khả năng trả nên hai bên thỏa thuận mua bán nhà đất trên. Số tiền vay 800.000.000 đồng chuyển thành tiền đặt cọc mua bán nhà. Thời hạn ký công chứng là 30 ngày kể từ ngày 28/7/2011.

Sau đó, ông H và bà A không ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng như đã thỏa thuận. Ông V nhiều lần yêu cầu trên nhưng ông H, bà A không thực hiện. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu:

- Ông Lưu Hoàng H, bà Hoàng Thị A hoàn trả cho ông số tiền 1.600.000.000 đồng, trong đó 800.000.000 đồng đã nhận và phạt cọc do vi phạm hợp đồng; thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Hủy hợp đồng vay mượn tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở ngày 18/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A;

- Hủy hợp đồng mua bán nhà (bằng giấy tay) ngày 28/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A.

*Bị đơn ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A có người đại diện theo ủy quyền là ông Đoàn Văn K trình bày:*

Do cần tiền vay vốn ngân hàng nên bà A có liên hệ với ông V nhờ vay tiền và thế chấp ngân hàng phần nhà đất có diện tích 157m<sup>2</sup> thuộc thửa số 2851, tờ bản đồ số 4, xã L, huyện H. Số tiền dự định vay là 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông V không đồng ý, ông V yêu cầu muốn vay vốn thì ông H, bà A phải ký kết hợp đồng mua bán với ông V, ông V sẽ đứng ra vay vốn cho bà A, ông H. Việc ký kết các hợp đồng mua bán nhà là giả cách, không có thật.

Ông H, bà A thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong các hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/7/2011, hợp đồng mua bán nhà ngày 28/7/2011 là của ông bà nhưng cho rằng tại thời điểm ký kết, ông bà hoàn toàn không biết nội dung, không nhận bất kỳ khoản tiền nào của ông V. Do đó, ông bà không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Kim L trình bày:*

Ngày 18/7/2011, chồng bà là ông V có cho ông Lưu Hoàng H, bà Hoàng Thị A vay số tiền 800.000.000 đồng, với thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày 18/7/2011 để tất toán với ngân hàng, giải chấp nhà đất.

Đến thời hạn trả nợ, ông H và bà A không có khả năng trả nên hai bên thỏa thuận mua bán nhà đất nêu trên. Số tiền 800.000.000 đồng chuyển thành tiền đặt cọc. Do đó, bà đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà A ông H trả nợ xong bà đồng ý trả giấy tờ nhà đất và giấy tờ tùy thân cho ông H bà A. Bà L xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Ông V yêu cầu ông H, bà A trả số tiền gồm 800.000.000 đồng đã nhận và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/7/2011 đến ngày 29/8/2017, lãi suất 1%/tháng, thời gian là 73 tháng, cụ thể thành tiền là 584.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.384.000.000 đồng, thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Yêu cầu hủy hợp đồng vay mượn tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở ngày 18/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A và hủy hợp đồng mua bán nhà (bằng giấy tay) ngày 28/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A. Sau khi bà A, ông H thực hiện nghĩa vụ trên, ông V sẽ giao lại toàn bộ bản chính giấy tờ nhà và giấy tờ tùy thân của ông H, bà A.

**Bản án số 574/2017/DS-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc vợ chồng ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Vũ Thị Kim L số tiền gồm: 800.000.000 đồng đã nhận và

tiền lãi phát sinh từ ngày 18/7/2011 đến ngày 29/8/2017, lãi suất 1%/tháng, thời gian là 73 tháng, cụ thể thành tiền là 584.000.000đồng. Tổng cộng là 1.384.000.000 (một tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu) đồng, thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ông V, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà A chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng chịu thêm mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán.

## **2. Hủy các hợp đồng:**

- Hợp đồng vay mượn tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở ngày 18/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A.

- Hợp đồng mua bán nhà (bằng giấy tay) ngày 28/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A.

3. Sau khi bà A, ông H thực hiện các nghĩa vụ trên, ông V sẽ giao lại toàn bộ bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3068 QSDĐ/1B ngày 10/4/2003 do UBND huyện H cấp cho ông Lưu Hoàng H; Giấy phép xây dựng số 01/GPXD do UBND huyện H cấp ngày 06.01.2005; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 12.3.2003; Sổ hộ khẩu gia đình số 030008298 do công an Quận H, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Hoàng Thị A làm chủ hộ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/9/2017, bị đơn bà Hoàng Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

## **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Hoàng Thị A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án.

Bị đơn bà A và Luật sư yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hợp đồng vay tài sản ngày 18/7/2011, bị đơn có ký tên nhưng bị đơn không có nhận tiền, nguyên đơn không chứng minh có việc giao tiền cho bị đơn; Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng Tòa sơ thẩm không thông báo bổ sung yêu cầu khởi kiện cho bị đơn biết; Bị đơn khai mượn của người chị dâu 740.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ; Hợp đồng vay không có lãi suất nhưng Tòa sơ thẩm chấp nhận lãi suất 1%/tháng là chưa đúng, đề nghị tính lãi suất theo lãi suất cơ bản quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy tờ nhà bản chính và giấy tờ tùy thân cho ông H, bà A.

Đại diện nguyên đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2011 là có thật, bị đơn xác nhận có ký tên và lấn tay trên hợp đồng nhưng không thừa nhận có việc vay tiền và mua bán nhà. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Tòa sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền vốn 800.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, về tiền lãi cấp sơ thẩm tính lãi suất 1%/tháng là cao, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 điều chỉnh lại tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo; Sửa một phần bản án sơ thẩm về điều chỉnh lại phần lãi suất và án phí của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A cho rằng không có nhận tiền vay mượn 800.000.000 đồng của nguyên đơn, xét thấy:

[1.1] Căn cứ hợp đồng vay mượn tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở ngày 18/07/2011 (Bút lục 82) thể hiện: Ngày 18/7/2011, ông Lưu Hoàng H, bà Hoàng Thị A có ký hợp đồng vay mượn tiền với ông Nguyễn Văn V số tiền 800.000.000 đồng; Thời hạn vay là 10 ngày từ ngày 18/7/2011 đến ngày 27/7/2011; Nếu không trả tiền trong thời hạn trên thì ông H, bà A phải chuyển nhượng nhà và đất thuộc thửa đất số 2851, đường C, xã L, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của ông H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3068 QSDĐ/1B do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 10/2/2003 cho ông V với giá là 1.250.000.000 đồng.

[1.2] Ngày 28/7/2011, ông H, bà A và ông V ký tiếp hợp đồng mua bán nhà bằng giấy tay đối với nhà đất trên với giá 1.250.000.000 đồng, các bên thỏa thuận tiền vay 800.000.000 đồng chuyển thành tiền đặt cọc.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A xác định chữ ký, dấu lấn tay trên hai hợp đồng trên là của bà A. Tuy nhiên, bà A và Luật sư cho rằng không có việc mua bán nhà, không có vay tiền với ông V, bà A không có nhận số tiền 800.000.000 đồng của nguyên đơn, hợp đồng trên là giả cách nhằm che đậy dịch vụ vay vốn Ngân hàng. Tuy nhiên, bị đơn không có chứng cứ chứng minh có sự ép buộc nào từ phía nguyên đơn buộc bị đơn ký tên trên hợp đồng. Đồng thời, bị đơn xác nhận chữ ký và dấu vân tay trên hợp đồng là của bị đơn thì không thể cho rằng là hợp đồng giả cách.

Bà A cho rằng số tiền giải chấp 740.000.000 đồng bà mượn của bà Chị dâu ở Quận D nhưng bà không cung cấp được chính xác tên và địa chỉ của người đó nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác minh vấn đề trên.

[1.4] Từ căn cứ trên, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà A và ông H phải trả lại cho ông V tổng số tiền gốc là 800.000.000 đồng; Hủy hợp đồng vay mượn tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở ngày 18/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A; Hủy hợp đồng mua bán nhà (bằng giấy tay) ngày 28/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A; Chấp nhận yêu cầu bị đơn buộc nguyên đơn phải giao trả toàn bộ bản chính giấy tờ nhà, giấy tờ tùy thân của ông H, bà A là có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên phần này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi phát sinh từ ngày 18/7/2011 đến ngày 29/8/2017, lãi suất 1%/tháng:

[2.1] Xét hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2011 là hợp đồng vay không có lãi suất, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày 18/7/2011. Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, khi đến hạn ông H, bà A không trả tiền đầy đủ thì tiền lãi phải tính trên số nợ gốc theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn ông H, bà A trả tiền với mức lãi suất là 1%/tháng là cao so với quy định pháp luật, để đảm bảo lợi ích cho bị đơn cần sửa lại phần lãi suất.

[2.2] Mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm. Như vậy, lãi suất được điều chỉnh như sau:  $800.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 72 \text{ tháng} = 432.000.000 \text{ đồng}$ .

[2.3] Do đó, kháng cáo của bị đơn và yêu cầu của Luật sư được chấp nhận một phần về sửa lãi suất.

[2.4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về tính lại tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa phần tiền lãi bị đơn phải trả nguyên đơn nên sửa án phí dân sự sơ thẩm.

[2.6] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 21; 26; 35; 39; 42; 48; 63; 184; 186; 188; 203; 205; 227; 229; 232; 235; 244; 259; 264 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị A.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 574/2017/DS-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Vũ Thị Kim L số tiền gồm: 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng đã nhận và tiền lãi phát sinh là 432.000.000 (Bốn trăm ba mươi hai triệu) đồng. Tổng cộng là 1.232.000.000 (Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu) đồng, thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ông V, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà A chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng chịu thêm mức lãi suất theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán.

2. Hủy các hợp đồng:

- Hợp đồng vay mượn tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền SH nhà ở và đất ở ngày 18/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A.

- Hợp đồng mua bán nhà (bằng giấy tay) ngày 28/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn V với ông Lưu Hoàng H và bà Hoàng Thị A.

3. Sau khi bà A, ông H thực hiện các nghĩa vụ trên, ông V sẽ giao lại toàn bộ bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3068 QSDĐ/1B ngày 10/4/2003 do UBND huyện H cấp cho ông Lưu Hoàng H; Giấy phép xây dựng số 01/GPXD do UBND huyện H cấp ngày 06.01.2005; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 12.3.2003; Sổ hộ khẩu gia đình số 030008298 do công an Quận H, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Hoàng Thị A làm chủ hộ.

Thực hiện giao tiền và giao giấy tờ nhà cùng lúc ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bên được thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu Hữu H, bà Hoàng Thị A chịu 48.960.000 (Bốn mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 01364 ngày 14/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà A 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0032610 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện H, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu (T 20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**